

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 5
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng I Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010015	Cao Loot	Ca	12/11/1990	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
2	3375010030	Lê Xuân	Cường	01/12/1990	5	3					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
3	3375010057	Võ Quốc	Duy	26/03/1991	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
4	3375010058	Nguyễn Văn	Dự	30/05/1988		0					0.00	0.00			0	Học lại
5	3375010069	Phạm Thanh Đại	Dương	24/12/1991	4	3					3.50	1.05	1.00	0.70	2	
6	3375010084	Nguyễn Xuân	Đông	15/08/1991	3	6					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
7	3375010095	Lê Lâm	Giang	09/01/1991	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
8	3375010096	Lê Văn	Giang	02/10/1991	3	5					4.00	1.20	3.00	2.10	3	Học lại
9	3375010100	Nguyễn Hữu	Hậu	30/12/1990	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
10	3375010119	Hoàng Trung	Hiếu	07/09/1990	7	4					5.50	1.65	8.00	5.60	7	Học lại
11	3375010122	Nguyễn Huy	Hoàng	04/08/1990	3	5					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
12	3375010146	Trương Đình	Khánh	15/10/1991	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
13	3375010155	Trần Việt Đăng	Khoa	02/02/1990	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	Học lại
14	3375010166	Phạm Thành	Lên	30/07/1991	6	5					5.50	1.65	4.00	2.80	4	Học lại
15	3375010171	Nguyễn Mã	Long	09/11/1990	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	Học lại
16	3375010175	Phan Huỳnh Phước	Lộc	04/10/1991	4	5					4.50	1.35	0.00	0.00	1	Học lại
17	3375010193	Mai Quang	Minh	14/12/1991	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
18	3375010198	Trần Anh	Mỹ	20/06/1990		6					6.00	1.80	1.00	0.70	3	Học lại
19	3375010209	Vương Khả	Ngọ	01/06/1991	4	5					4.50	1.35	4.00	2.80	4	Học lại
20	3375010234	Trần Thanh	Phong	02/03/1991	4	3					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
21	3375010248	Nguyễn Đình	Phượng	03/04/1988	8	6					7.00	2.10	3.00	2.10	4	Học lại

STT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010266	Nguyễn Võ Thành	Rin	22/07/1990	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
23	3375010290	Trần Công	Tây	21/01/1989		8					8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại
24	3375010300	Lê Thanh	Thân	24/08/1991	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
25	3375010326	Nguyễn Đức	Thọ	06/02/1990	3	4					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
26	3375010341	Nguyễn Kim	Tiến	10/08/1989	5	3					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
27	3375010343	Nguyễn Văn	Tiến	03/09/1990		5					5.00	1.50	1.00	0.70	2	Học lại
28	3375010360	Nguyễn Quang	Trung	10/09/1991	4	5					4.50	1.35	3.00	2.10	3	
29	3375010363	Trần Anh	Trung	14/07/1991		5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
30	3375010368	Phạm Văn	Trường	10/07/1991		6					6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
31	3375010379	Nguyễn Minh	Tuấn	30/10/1987	0	0					0.00	0.00	2.00	1.40	1	Học lại
32	3375010383	Trương Minh	Tuấn	10/08/1991	4	7					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
33	3375010386	Hoàng Thanh	Tùng	15/12/1989		6					6.00	1.80	7.00	4.90	7	Học lại
34	3375010400	Trần Anh	Việt	26/03/1991	0	6					3.00	0.90	2.00	1.40	2	Học lại
35	3375010401	Trần Hoàng	Việt	01/07/1991	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	

Tổng: 35.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	2	5.7

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	2	5.7
Trung bình	15	42.9
Không đạt	16	45.7
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa